

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/MÔ ĐUN

Lớp: **TML22B4**

Năm học: **22-23**

Mã môn học/ Mô đun: **MH04226**

Học kỳ: **02**

Tên môn học/ Mô đun: **Tiếng anh**

Số tín chỉ: **4**

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1	Hệ số 2	ThiL1	ThiL2	ĐMH/ MD
1	2255202052010	Quách Võ Thái An	23/02/2007	9	9.0 9.5 9.5 10.0	9.0		9.2
2	2255202052011	Trần Hoài An	21/09/2006	7	4.0 4.0 7.0 6.0	5.0		5.2
3	2255202052013	Nguyễn Quang Gol	23/03/2007	7	7.0 7.0 9.5 9.0	4.2		5.7
4	2255202052016	Trần Nguyễn Đăng Khoa	29/07/2007	8	3.0 7.5 7.0 8.0	5.6		6.0
5	2255202052017	Nguyễn Văn Kiên	09/04/2007	8	4.0 8.0 6.0 8.0	5.8		6.1
6	2255202052019	Huỳnh Hoàng Nghiêm	12/09/2007	5	5.0 5.0 5.0 5.0	3.4		4.0
7	2255202052020	Cao Kiên Nhẫn	25/10/2006	6	5.0 5.0 5.0 6.5	5.0		5.2
8	2255202052022	Trần Nguyễn Hữu Phát	12/04/2007	0	0.0 0.0 0.0 0.0	0.0	0.0	0.0
9	2255202052023	Đinh Oai Phong	09/11/2006	7	0.0 0.0 0.0 0.0	0.0	0.0	0.3
10	2255202052024	Nguyễn Đình Phong	21/12/2007	7	4.0 6.0 4.5 7.0	8.4		7.3
11	2255202052025	Khưu Đặng Thiên Phú	21/07/2007	6	5.0 5.5 5.0 6.0	5.0		5.2
12	2255202052026	Lê Minh Phú	25/01/2007	9	5.0 6.0 5.0 6.0	5.0		5.4
13	2255202052027	Phan Thành Qui	09/10/2007	7	4.0 5.0 5.0 6.0	7.2		6.4
14	2255202052029	Võ Anh Tài	20/09/2007	7	5.0 6.0 7.0 7.0	5.2		5.7
15	2255202052030	Đoàn Hữu Thành	20/02/2007	7	5.0 5.0 6.0 7.0	5.0		5.4
16	2255202052032	Nguyễn Phước Trường	16/09/2007	9	6.0 8.0 7.0 7.5	5.0		5.9

Châu Đốc, ngày 23 tháng 5 năm 2023

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Nguyễn Thị Mỹ Thanh